

Ngôn ngữ Việt nam

Ngôn ngữ nói: Về nguồn gốc Tiếng Việt, có nhiều giả thuyết. Giả thuyết giàu sức thuyết phục hơn cả cho rằng Tiếng Việt thuộc dòng Môn-Khmer của ngữ hệ Đông Nam á, sau chuyển biến thành Tiếng Việt-Mường (hay Tiếng Việt cổ) rồi tách ra. Trong Tiếng Việt hiện đại, có nhiều từ được chứng minh có gốc Môn-Khmer và tương ứng về ngữ âm, ngữ nghĩa khi so sánh với Tiếng Mường. Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm. Các âm riêng lẻ thường là các từ gốc có ý nghĩa. Các khái niệm được xây dựng bởi các từ gốc ghép lại. Chính vì xây dựng trên nguyên tắc đơn âm nên, trên quan điểm về tin học, để có thể thể hiện nhiều khái niệm các âm tiết được phát ra bằng sáu cách (sáu thanh) khác nhau. Như vậy việc phát âm các âm tiết tiếng Việt thuộc loại phức tạp nhất thế giới.

Trải qua nghìn năm Bắc thuộc, tuy Tiếng Việt nói riêng và nền Văn hoá Việt nói chung chịu nhiều ảnh hưởng bởi nền Văn Hoá Phương Bắc, song luôn giữ được bản sắc riêng của mình. Những thế kỷ đầu của Thời kỳ Bắc thuộc, người Hán đã đem theo khá nhiều thuật ngữ và cả cách thể hiện vào tiếng Việt, song tiếng Việt vẫn được dùng làm ngôn ngữ để giao tiếp. Thậm chí sau 1 đến 2 thế hệ những người Hán di cư sang Nam Việt đã trở thành người Việt và sử dụng tiếng Việt.

Tiếng Việt hiện đại là kết hợp các ngôn ngữ của các nhóm dân tộc và trên các vùng lãnh thổ khác nhau. Thêm vào đó là sự bổ sung và phát triển do sự giao lưu với các nền văn hoá phương tây, nhất là nền văn hoá Pháp. Hiện nay sự cách biệt giữa văn viết và văn nói không còn nhiều như trong các thời kỳ trước. Điều đó thể hiện sự phát triển rất cao của ngôn ngữ nói Tiếng Việt.

Chữ Viết: Vào thời kỳ sơ khai, các chữ viết đơn giản của người Việt cổ có nguồn gốc gần giống với chữ viết của người Ấn Độ. Dưới chế độ Bắc thuộc và các triều đại phong kiến, chữ Hán được sử dụng làm phương tiện ghi chép chính thống. Tuy nhiên bản thân hệ thống chữ Hán vào thời kỳ này cũng chưa hoàn chỉnh, thêm vào đó các khái niệm và danh từ Việt không thể hiện được bằng chữ Hán. Nhu cầu cải biên chữ viết nảy sinh. Chữ Hán được đọc theo cách của người Việt, gọi là cách đọc Hán-Việt và được Việt hoá bằng nhiều cách tạo ra nhiều từ Việt thông dụng. Tiếng Việt phát triển phong phú đi đến ra đời hệ thống chữ viết ghi lại tiếng Việt trên cơ sở văn tự Hán vào thế kỷ 13 là chữ Nôm.

Nguyên tắc cơ bản của chữ Nôm là việc ghép các chữ Hán để thể hiện các tên và khái niệm Việt. Tuy nhiên có nhiều các quy tắc ghép khác nhau và thậm chí mâu thuẫn với nhau làm cho các văn tự chữ Nôm nhiều khi được hiểu theo các nghĩa trái ngược nhau. Mặc dù trong thời nhà Trần, Lê và nhất là Tây Sơn, việc dùng chữ Nôm được khuyến khích, thậm chí có thời gian được dùng để ghi chép sử sách, song đại bộ phận các nhà văn học Việt vẫn sử dụng chữ Hán và cho chữ Nôm là nôm na, không thanh cao.

Cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17, cùng với việc giao thương, các Giáo sỹ Phương Tây đã vào Nam Việt để truyền giáo. Để có thể ghi nhớ và phát âm các khái niệm tiếng Việt, họ dùng các mẫu tự la tinh để phiên âm. Năm 1651 Giáo sỹ Alexandre de Rhodes đã cho xuất bản cuốn Tự điển Việt-Bồ-Latinh, trong đó phần tiếng Việt được thể hiện bằng ký tự Latinh, gọi là chữ Quốc Ngữ. Ngoài ra ông còn cho xuất bản cuốn Giáo lý song ngữ Latinh-Việt cũng sử dụng ký tự này. Có thể nói, Giáo sỹ Alexandre de Rhodes là người đặt nền tảng cho chữ viết hiện nay của Việt nam.

Chữ Quốc Ngữ lúc đầu chỉ được sử dụng trong nhà thờ, sau đó là trong bộ máy hành chính thuộc địa. Mãi tới cuối thế kỷ 19 chữ Quốc ngữ mới được lưu hành rộng rãi trong công chúng. Chữ quốc ngữ dần được hoàn thiện, phổ cập, trở thành công cụ văn hoá quan trọng. Cuối thế kỷ 19, đã có sách báo xuất bản bằng chữ quốc ngữ. Từ 1909 chữ Quốc Ngữ được áp dụng trong các trường cao học và hai năm sau trong tất cả hệ thống giáo dục Việt nam.

Thời kỳ thuộc Pháp, chữ Hán, chữ Nôm dần bị loại bỏ, thay thế bằng tiếng Pháp dùng trong ngôn ngữ hành chính, giáo dục, ngoại giao. Nhưng nhờ chữ Quốc ngữ, có lợi thế đơn giản về hình thể kết cấu, cách viết, cách

đọc, văn xuôi tiếng Việt hiện đại thực sự hình thành, tiếp nhận thuận lợi các ảnh hưởng tích cực của ngôn ngữ văn hoá phương Tây. Năm 1919 kỳ thi cuối cùng sử dụng chữ Nôm được tổ chức tại Huế. Từ đó chữ Quốc Ngữ trở thành chữ viết chính thức của Việt nam.

Đặc điểm của tiếng Việt: đơn âm nhưng vốn từ cụ thể, phong phú, giàu âm sắc hình ảnh, lối diễn đạt cân xứng, nhịp nhàng, sống động, dễ chuyển đổi, thiên về biểu trưng, biểu cảm, rất thuận lợi cho sáng tạo văn học nghệ thuật. Tự điển tiếng Việt xuất bản năm 1997 gồm 38410 mục từ.